

NHỮNG THƯƠNG NHÂN HÀ LAN ĐẦU TIÊN ĐẾN ĐÀNG NGOÀI VÀ KẺ CHỢ NĂM 1637

NGUYỄN THỪA HỖ*

(Dịch và giới thiệu)

Lời dẫn: Thế kỷ XVI-XVII trong lịch sử thế giới là kỷ nguyên thương mại toàn cầu. Trong hệ thống mậu dịch châu Á, những tuyến buôn bán quốc tế diễn ra sôi động ở biển Đông và Thái Bình Dương, trong đó hai miền Đại Việt đã nằm trên cung đường trung chuyển.

Trong toàn cảnh đó, năm 1637, thương điểm Hirado của Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC) ở Nhật Bản đã cử chiếc tàu Grol do Trưởng thương vụ K. Hartsinck chỉ huy tới Đàng Ngoài sau khi ghé qua Hội An, đem bạc đến mua tơ và xin đặt quan hệ buôn bán. Chuyến đi kéo dài hơn 6 tháng, trong đó thời gian phải bộ lưu lại Kinh thành Thăng Long là gần 2 tháng rưỡi.

Nguyên bản viết tay bằng tiếng Hà Lan cổ cuốn *Nhật ký hành trình của tàu Grol* được bảo quản tại Lưu trữ thuộc địa The Hague. Năm 1882, Geerts đã cho dịch cuốn nhật ký đó sang tiếng Pháp với những chú giải của G. Maget, trong tiểu luận "Journal de voyage du yacht hollandais Grol du Japon au Tonkin" (1637), đăng tải trên Tạp chí *Excursions et Reconnaissances* t. VI.n°13 (Paris, 1882). Năm 1883, J.M. Dixon cũng dịch sang tiếng Anh nhật ký đó với bài tiểu luận "Voyage of the Dutch Ship "Grol" from Hirado to Ton King", đăng tải trong cuốn "Transactions of the Asiatic Society of Japan" XI (Yokohama, 1883). Tới năm 1907, bản dịch cuốn nhật ký ra tiếng Pháp được đăng lại trong Tạp chí *Revue Indochinoise* quyển 5, số 55 và 56.

Đây là một tư liệu gốc hiếm quý của một đối tác nước ngoài phương Tây cách đây 370 năm viết về quan hệ giao thương Việt Nam - Hà Lan trong nửa đầu thế kỷ XVII. Nó có thể dùng làm cơ sở giúp chúng ta đi sâu nghiên cứu, gợi mở hoặc góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề về lịch sử, thực trạng và chính sách, thủ tục của nhà nước phong kiến trong ngoại thương, ngoại giao, nền kinh tế hàng hóa của Việt Nam thế kỷ XVII cũng như một số tồn nghi về địa lý - lịch sử, nội tình chính trị, tình hình dân chúng ở Đàng Ngoài trong thời đó.

Nhưng người viết cuốn nhật ký có cái nhìn và đứng trên quan điểm vị lợi của một công ty nước ngoài, đối mặt với một chính quyền phong kiến quan liêu chuyên chế phương Đông với nhiều tệ nạn tham nhũng. Bên cạnh một số đánh giá nhận định có thể là chủ quan, cuốn nhật ký đã cung cấp cho chúng ta nhiều thực tế lịch sử khách quan có ý nghĩa, thông qua những chi tiết sống động. Tất nhiên để khai thác triệt để giá trị tư liệu, chúng ta cần phải nghiên cứu sâu thêm, thẩm định, khảo chứng, đối sánh những thông tin là điều mà ở đây chúng ta chưa làm được.

Chúng tôi đã cố gắng dịch sát tinh thần và nội dung của văn bản, nhưng không thể tránh khỏi một số khó khăn. Một số thuật ngữ và từ cổ nói về các vật dụng, hàng hóa chuyên môn đương thời không tìm được từ tiếng Việt tương đương. Một số chủ thích cũng cần bàn cãi lại, nhưng chúng tôi vẫn tôn trọng nguyên văn. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp.

Chuyến du hành của chiếc tàu Hà Lan Grol từ Nhật Bản tới Đàng Ngoài (31/1/1637 - 8/8/1637) (1)

Nhật ký trên tàu

31 tháng Giêng - Ngày 31-1-1637, con tàu Yacht (2) Grol đã rời vùng đỗ Koutchi

(hải cảng nhỏ) gần thành phố Hirado (3) trên hòn đảo mang cùng tên gọi (ở Nhật Bản) để đi tới xứ Đàng Ngoài. Trên tàu có trưởng thương vụ Karel Hartsinck, người chỉ huy cuộc viễn hành, Vincent Romeyn, người Hà Lan cư trú ở Nagasaki không làm việc cho Công ty Đông Ấn Hà Lan mà sinh

* PGS. TS. Đại học Quốc gia Hà Nội

sống bằng công việc buôn bán riêng tư. Trong công việc, ông có quan hệ với ông già Menchioe Santwoort, người Hà Lan đã đến Nhật Bản với William Adams ngày 19-4-1600 (4) Trưởng thương điểm Hà Lan ở Hirado, ngài Nicolas Koeckbacker đã xin Vincent Romeyn đi tháp tùng chuyến viễn hành này và giúp đỡ công ty với những kiến thức và kinh nghiệm lâu năm của mình. Để đổi lại người ta đã cho phép ông mua (ở Nhật Bản) những hàng hóa tổng cộng giá trị tới 2.500 lạng bạc (14.250 francs) và chuyên chở những hàng hóa đó miễn cước phí vận tải tới Đàng Ngoài. Karel Hartsinck (5) có trách nhiệm theo dõi điều nhượng bộ được thỏa thuận đó để không bị lợi dụng.

Tổng giá trị số hàng hóa chuyên chở trên chiếc tàu Grol là 366.588 florins (khoảng chừng 736.850 francs); chỉ có một phần số hàng hóa giá trị 188.166 florins (378.214 francs) được chuyển tới Đàng Ngoài. Những hàng hóa chở đến xứ này có một vài mặt hàng châu Âu và Nhật Bản, còn chủ yếu là chở đồng và sắt, tất cả trị giá là 171.000 florins (343.710 francs).

Viên trưởng thương điểm ở Nhật Bản đã trao cho Karel Hartsinck một bức thư chính thức để gửi tới nhà vua trị vì xứ Đàng Ngoài. Ông ta còn có ý định gửi một tàu buôn khác, chiếc Waterloozee Werve từ Nhật Bản tới Đàng Ngoài.

- 13 tháng Hai - Ngày 13 tháng Hai (1637), sau một buổi thời tiết rất xấu làm chúng tôi bị mất bánh lái tàu và 2 chiếc neo, vào lúc 7.30 chiều tối, chúng tôi đã tới vịnh Tayouwan (Đài Loan - Formose). Lập tức Karel đã được đưa lên bờ, trong một chiếc xuồng do viên tổng trấn (Đài Loan) là ông Van den Burg gửi tới (6).

- 25 tháng Hai: Ngày 25-2, chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình với ý định trước hết sẽ đến thăm Quinam (7). Để thực hiện việc này, người ta đã trang bị một thuyền mảnh có tên là Autekou, với một hoa tiêu trên thuyền, 9 người Hà Lan và 9 người Trung Quốc. Ở Tayouwan, người ta đã chất thêm vào khối hàng hóa ban đầu một số hàng tổng giá trị là 2364 florins. Chiếc tàu Waterloozee Werve đã bị mất những cây neo vào ngày 18-10 năm trước, cho nên không thể dùng được cho chuyến đi này. Ở Đài Loan, để làm quà cho nhà vua xứ Đàng Ngoài, người ta đã mang theo thêm hai cỗ súng (thần công), cân nặng 1020 và 1030 livres (cân Anh = 453,6 g) và những đạn pháo bằng sắt nặng 12 livres.

Từ ngày 18 tháng Giêng đến ngày 25 tháng Giêng, người ta đã tiếp nhận ở Đài Loan 17 thuyền mảnh từ Trung Hoa đến, chở 60 piculs (tạ = 60kg) tơ sống, 1500 tạ đường, 200 tạ Lankin (vải len Trung Quốc) và một số lượng lớn đồ gốm sứ tinh và thô. Viên thuyền trưởng Bencan có ý định gửi những hàng hóa đó đến Quinam và ông ta xin được không trả hơn 15% tiền thuế nhập cảng và xuất cảng. Nhưng người ta không chấp nhận yêu cầu của ông, bởi vì ông Putmans đã ấn định thuế nhập cảng và xuất cảng mỗi thứ là 10% và ông Van der Burg không muốn thay đổi quyết định này. Người ta tính toán nếu theo ý định của thuyền trưởng Bencan gửi những hàng hóa đó đến Quinam thì sẽ kiếm lời được từ 40-50% đối với mặt hàng Lankins, 150% đối với những đồ gốm thô.

Ngày 3 tháng Hai, một thuyền mảnh của Công ty đã được cử từ Đài Loan đi tới những đảo Liukiu, có viên thuyền phó Johan Jurriaansz đi theo, với nhiệm vụ là tìm kiếm những mỏ vàng mà người ta nói rằng có ở trên những hòn đảo này, và sau

đó là tiến hành thám thính về những mỏ vàng đó. Ông ta trở về ngày 18 tháng Hai. Theo báo cáo của ông ta, ở Pibamba, trong vùng phụ cận của Liukiu đã có vàng, và ông hoàng ở đó đã đồng ý hết sức giúp đỡ chúng ta trong công việc khai thác kim loại. Một người Trung Quốc đã từng ở xứ đó trong 14 năm quả quyết rằng có vàng ở Pibamba, và xin được dẫn đường cho chúng tôi tới địa điểm đó. Người này đã đi đến ở lại Đài Loan trong 10 ngày để cung cấp thêm các tin tức. Ở Đài Loan người ta vừa công bố những sắc lệnh mới thiết lập một mức thuế 10% đối với loại thịt hươu, da sơn dương, hoẵng con và những loại gạch làm ở Saccam.

- *Ngày 5 tháng Ba.* Ngày 5 tháng Ba chúng tôi tiến đến gần vịnh Turon (hay Touran) (8). Mười sáu người Bồ Đào Nha mà chúng tôi dẫn độ từ Đài Loan được phóng thích và gửi lên bờ. Ngày 26 tháng Hai, một ngày sau khi chúng tôi khởi hành từ Đài Loan, chúng tôi đã bị mất liên lạc với chiếc thuyền mảnh và từ đó cũng không thấy lại nó nữa. Hai thầy tu người Bồ Đào Nha ở trên tàu của chúng tôi thì vẫn bị giữ lại. Những hàng hóa chở đến Quinam (9) được dỡ khỏi tàu và sau đó chúng tôi trả lại tự do cho hai thầy tu Bồ Đào Nha. Người ta đã cầm giữ họ lại bởi vì một trong những viên chức của thương điểm chúng tôi ở Quinam đã chạy trốn và người ta cho rằng người đó đã sang ở bên những người Bồ Đào Nha. Tuy nhiên, những người này khẳng định rằng họ không chứa chấp viên chức kia, và người ta đã thả hai thầy tu Bồ Đào Nha. Ở Quinam, chúng tôi mua một chiếc thuyền mảnh khác để thay thế chiếc bị mất trong chuyến đi.

- *13 tháng Ba.* Ngày 13 tháng Ba (1637), chúng tôi rời Quinam. Chiếc thuyền mảnh được trả lại vì nó ở trong tình trạng không

tốt. Ông Ducher chuyển cho ông Hartsinck bản ghi nhớ sau đây về xứ Đàng Ngoài:

"Xứ Đàng Ngoài và xứ Quinam (Đàng Trong) đang có chiến tranh (10). Những nhà vua của 2 xứ này rất tức giận nhau. Tuy nhiên, những thương nhân của 2 xứ vẫn được phép tiếp tục buôn bán với nhau. Vì thế, trong thời gian lưu lại Đàng Ngoài, chúng ta vẫn có cơ hội liên lạc với thương nhân của chúng ta ở Quinam. Trong tháng 11 năm 1636, giá tơ rất hạ ở Đàng Ngoài, xuống đến mức chỉ còn 45 lạng (bạc) một tạ. Từ khi có 3 chiếc thuyền mảnh Bồ Đào Nha tới, một chiếc vào cuối tháng 11, chiếc khác vào ngày 15 tháng Hai, giá tơ lại lên đến 60 lạng một tạ. Nhà vua đã chiếm dụng vốn tới 40.000 lạng bạc do người Bồ Đào Nha đem lại và hứa sẽ cung cấp cho họ bằng tơ với số tiền đó. Trong số 40.000 lạng nói trên, có 30 hòm tiền bạc miếng Nhật Bản, trong tiếng Hà Lan gọi là Schuitjes hay Schuitgeld.

Những nhà vua Quinam và Đàng Ngoài có họ hàng với nhau. Người ta sẽ lợi dụng chuyến đi thăm của tàu Grol tới Đàng Ngoài để bí mật tìm hiểu xem liệu nhà vua xứ Đàng Ngoài có thể hoặc có muốn giúp chúng ta đòi lại số tiền 23.580 réales đã được cứu thoát từ chiếc tàu đắm Grootenbrock và đã bị những người Quinam chiếm lấy một cách bất hợp pháp hay không. Tuy nhiên, công việc này sẽ phải dàn xếp một cách hết sức tế nhị và bí mật và đừng nói điều đó cho bản thân nhà vua hoặc ngay cả đến cho một trong những nhà quý tộc ở triều đình, vì tất cả mọi điều gì xảy ra ở triều đình Đàng Ngoài cũng sẽ được bí mật báo cáo tới triều đình Quinam, và nếu xứ này mà biết được những ý đồ của chúng ta, thì tất cả những viên chức của công ty làm việc tại thương điểm sẽ phải đương đầu với những nỗi nguy hiểm lớn lao

nhất, lúc đó cái quốc gia tàn bạo này sẽ không chậm trễ tiến hành một tấm thảm kịch thực sự.

"Ký ngày 12-3-1637"

- *18 tháng Ba* - Ngày 18 tháng Ba chúng tôi gặp phải thời tiết xấu và gió quay thổi ngược chiều, chúng tôi bỏ neo tại vùng phụ cận Turon. Buổi sáng, chúng tôi nhìn thấy con tàu (Hà Lan) Rurop ra khỏi vịnh Turon.

- *23 tháng Ba* - Ngày 23 tháng Ba chúng tôi lại chuyển hướng tàu đi Đàng Ngoài.

- *26 tháng Ba* - Ngày 26 tháng Ba chúng tôi ở 17°2' vĩ Bắc. Chúng tôi đi theo hướng Tây Bắc và Tây Tây Bắc. Chúng tôi nhìn thấy một hòn đảo.

- *Ngày 27 tháng Ba*. Lộ trình của chúng tôi theo hướng Tây - Tây Bắc, ở 17°49' vĩ Bắc. Chúng tôi đặt tên cho hòn đảo này là đảo Grol (11). Tàu của chúng tôi đi giữa đảo này và 2 mũi đất. Hòn đảo này không thấy có trên tấm bản đồ của thuyền trưởng Hendrick Arendsz.

- *29 tháng Ba* - Ngày 29 tháng Ba chúng tôi trông thấy đảo Sahou (nhật ký ghi Sahoe), cách 3 dặm về phía Nam. Chúng tôi lướt nhanh ở hướng Nam Tây Nam về phía đảo Frakaki, độ sâu 12 sải nước chỗ cách bên đảo một dặm. Về phía Đông đảo này, nước giảm bớt dần độ sâu. Ở quãng giữa các hòn đảo Sahou và Frakaki độ sâu của biển là 12 sải nước. Buổi chiều chúng tôi buông neo ở bờ biển phía Tây đảo Frakaki (12), độ sâu 5 sải nước cách đó một dặm về phía Bắc - Đông Bắc và Đông Bắc, có một bãi đá thấp và phẳng và nhiều mỏm đá ngầm. Về phía Tây cũng có nhiều mỏm đá ngầm có lẽ được tạo nên bởi các bãi đá hoặc dải cát dưới biển.

Chúng tôi quyết định cử viên trợ lý Huibrecht Eems và người phiên dịch Strick lên bờ với một món quà có giá trị chừng từ 8 đến 10 lạng bằng hàng hóa Nhật Bản. Những người này phải đi tới gặp vị quan địa phương, xin ông ta thông báo với nhà vua xứ Đàng Ngoài về việc tàu chúng tôi đến và kêu cầu Ngài cho phép chúng tôi lên bộ càng sớm càng tốt, với những hàng hóa của chúng tôi, những món tặng phẩm và lá thư gửi lên nhà vua.

- *30 tháng Ba* - Ngày 30 tháng Ba, chúng tôi cử viên trợ lý và người phiên dịch lên bờ. Những món tặng phẩm là:

- + Bốn chiếc ấm đun nước, mỗi chiếc 1 lít
- + Bốn chiếc ấm đun nước, mỗi chiếc nửa lít
- + Hai bình pha chè bằng kim loại
- + Hai thanh gương Nhật Bản (catatre)

Người hoa tiêu có nhiệm vụ thăm dò cửa sông Giang (13). Anh ta thấy chỗ đó không sâu hơn từ 8^{1/2} đến 9 bộ nước. Anh ta được dân chúng đón tiếp tử tế.

- *Ngày 1 tháng Tư* - Ngày 1 tháng Tư, chúng tôi nhận được 1 bức thư của một vị quan và những món quà tặng sau đây:

- + 5000 đồng tiền (tiếng Nhật là Zéni)
- + Một con lợn sống

Viên sĩ quan chỉ huy những chiến thuyền và 3 nhà quý tộc Đàng Ngoài mang những tặng phẩm đến cho chúng tôi.

Lá thư viết: "Ông rất hài lòng về việc những người Hà Lan tới đây và đức vua có lẽ cũng hài lòng như vậy. Rằng người Hà Lan sẽ phải trả thuế nhập cảng đánh vào hàng hóa, thuế neo đậu tàu, rằng hàng hóa sẽ không bắt đầu được dỡ khỏi tàu trước khi lệnh cho phép được gửi tới, rằng tất cả

sẽ bị tịch thu nếu vi phạm những quy tắc đó. Rằng người ta sẽ không bắn súng đại bác mà ngược lại người ta phải giữ yên tĩnh hoàn toàn”.

Chúng tôi nghĩ rằng tất cả những mệnh lệnh đó đưa đến cho chúng tôi là dựa theo ý kiến của một thầy tu người Bồ Đào Nha đang ở nơi đó.

Chúng tôi đã chuyển giao cho viên thuyền trưởng (người Đàng Ngoài) chỉ huy những chiến thuyền và 3 nhà quý tộc một số tặng phẩm sau đây:

- + năm cái jackan (ấm đun nước Nhật) lớn
- + bốn cái jackan nhỏ
- + hai cái quitasalles (lọng, dù) lớn
- + hai cái quitasalles nhỏ
- + bốn cái cantaber (thanh gươm) nhỏ
- + sáu cái quạt

Chúng tôi được thông báo rằng ở Đàng Ngoài có rất nhiều tơ lụa, có thể chất đầy hơn ba con tàu. Chúng tôi khẳng định rằng những mệnh lệnh được ban ra sẽ được chúng tôi chấp hành và chúng tôi sẽ không làm bất cứ điều gì xấu hoặc sai trái đối với dân chúng. Đến đây chỉ với những ý định tốt nhất và trong một mục đích hoàn toàn hữu hảo, chúng tôi xin hỏi tại sao người ta chưa cho viên trợ lý và người phiên dịch của chúng tôi trở về tàu. Người ta trả lời cho chúng tôi là “các ông đó ngày mai sẽ trở lại cùng với các vị quan”.

- 2 tháng Tư - Ngày hôm nay, 2 tháng Tư, viên trợ lý và người phiên dịch đã trở lại cùng với viên thuyền trưởng người Đàng Ngoài và hai viên thư ký. Một trong số những binh lính của chúng tôi có tên là Wolf và một người bản xứ vẫn còn bị người

Đàng Ngoài lưu giữ. Các ông Eems (trợ lý) và Strick (phiên dịch) đã được đối xử tử tế. Người ta đã thăm vấn họ về lý do người Hà Lan đến đây và người ta đã hỏi rằng họ đến đây là do có ý định từ trước hay buộc phải đến do gặp sự cố hoặc bị bão táp. Họ trả lời rằng họ đã từ Nhật Bản đến và rằng tiếng tăm về ân đức của nhà vua xứ Đàng Ngoài và lệnh cấm từ nay ngăn cản người Nhật (14) đến buôn bán ở Đàng Ngoài đã khiến ông trưởng thương vụ người Hà Lan tại Nhật Bản quyết định cử một con tàu đến Đàng Ngoài để chứng tỏ những mối quan hệ giao hảo và buôn bán với xứ này. Sau đó họ đã nài nỉ xin các viên quan được mau chóng cho tàu ngược dòng sông cùng với hàng hóa.

Lúc đầu, những quà biếu của viên trợ lý mang theo bị từ chối, vì giá trị của nó quá nhỏ mọn và không xứng với phẩm trật của nhân vật được tặng. Nhưng sau đó ông quan này cũng nhận lại với lý do rằng người Hà Lan là người ngoại quốc, có thể miễn thứ cho họ vì điều đã không tỏ tường phong tục của xứ sở. Thậm chí còn hơn thế nữa: ông ta yêu cầu chúng tôi cho ông ta mượn 5 hòm bạc để mua cho chúng tôi tơ và quế. Viên trợ lý trả lời rằng quyền hạn của mình không được phép đáp ứng một yêu cầu như vậy. Viên quan bèn yêu cầu người cầm đầu chuyến viễn hành là Hartsinck đến nhà ông ta để thương thảo vụ việc này. Hartsinck bày tỏ rằng ông muốn cho con tàu tiến đến gần hơn, nhưng hình như không thể nào di chuyển được, vì độ sâu của dòng sông không quá từ 9 đến 10 bộ (khoảng từ 2,75m - 3,05m), trong khi độ chìm của tàu là 13 bộ nước. Viên quan trả lời là bản thân mình cũng không biết lối đi tốt nhất, nhưng ông sẽ cử những người thành thạo kinh nghiệm về vấn đề này và sẽ chỉ bảo cho đường đi tốt nhất”. Vì vậy

những người Hà Lan không còn thấy cần phải đưa con tàu đến Schephay (15) và bỏ neo bên hòn đảo Hải tặc (Roovers eiland) như ý định lúc trước của họ.

- **3 tháng Tư.** Ngày 3 tháng Tư, chúng tôi quyết định rằng ngài sếp Hartsinck có Vincent Romeyn đi kèm sẽ đến thăm vị quan mang theo một tặng phẩm có giá trị 60 lạng bạc. Người ta sẽ yêu cầu viên quan thông báo cho nhà vua Đàng Ngoài việc chúng tôi đến càng sớm càng tốt. Đồng thời người ta muốn giao cho ông ta khoản 1.000 lạng bằng tiền bạc và hàng hóa để mua hộ chúng tôi những sản phẩm Đàng Ngoài. Chúng tôi sợ làm ông ta phật ý hoặc phải kéo dài vô cớ cuộc thăm viếng của chúng tôi nếu chúng tôi không chịu hiến tặng như vậy. Trên tàu, vẫn có 20 hòm bạc được giữ bí mật, giấu kín trong chiếc xuống trước khi Hartsinck khởi hành. Đối với chủ nhân chiếc tàu (lớn), người ta giao lại cho 2.000 lạng bằng bạc miếng (tiền Schuitges), với điều kiện ông ta phải thông báo kịp thời cho Hartsinck trong trường hợp ông ta không thể dùng hết số bạc đó trong vòng một tháng để mua những hàng hóa Đàng Ngoài.

Sau đó, vào buổi chiều, Hartsinck và Vincent Romeyn cho tàu khởi hành nhưng không thể ngược dòng sông tiến xa hơn được vì nước chảy xiết. Họ bắt buộc phải dừng lại ở làng Giang, nơi họ qua đêm trong chỗ ở của người phiên dịch Nhật Bản Guando, người này xin tận tình giúp đỡ họ chừng nào mình còn có thể. Theo ý anh ta, cho viên quan kia vào lúc này một món quà tặng lớn như vậy thì thật là hoàn toàn vô ích, nhất là khi chưa biết chắc rằng liệu tàu có thể vào được dòng sông hay không. Vả lại, nếu chúng tôi bắt buộc phải tìm một vùng đỗ khác, thì chúng tôi sẽ chẳng còn việc gì để làm với ông ta, mà sau đó, thì

chúng tôi vẫn bắt buộc phải có không ít những món quà tặng cho các quan cai ba tàu (kapados) (16) khi họ đến để giải quyết công việc buôn bán. Để trả lời việc viên quan yêu cầu 5.000 lạng, người ta nói rằng thủ trưởng, ngài Nicolas Koeckbacher trong lá thư gửi nhà vua đã đưa ra một danh mục chính xác tất cả những gì ở trên con tàu.

Nhận được trả lời như vậy, viên quan thôi không nài ép nữa về chuyện mượn tiền. Viên thông ngôn người Nhật muốn chứng tỏ thiện ý của mình đối với chúng tôi, đã gửi một lời nhắn tin cho người phiên dịch ở Ourusra [ở nhà Ourusan?] cầu xin người này hãy đi tới kinh thành Catchiou (17) [Kê Chợ], để thông báo cho nhà vua việc chúng tôi đến và để xin ngài một lá thư bảo lãnh.

- **4 tháng Tư.** Từ sáng tinh mơ, chúng tôi rời khỏi Giang để ngược dòng sông đến chỗ viên quan ở, một địa điểm cách Giang chừng 8 dặm địa lý. Vào lúc một giờ đêm khuya, chúng tôi đến địa điểm đó, nơi người ta tiếp nhận chúng tôi với tiếng chiêng trống âm ỉ, dưới ánh sáng của vô số ngọn đuốc. Đội quân lính gồm có 200 người đứng thành hàng dọc bờ sông, cầm súng hoả thương có lưỡi lê. Sau khi đặt chân lên bộ, chúng tôi được dẫn về nơi ở của viên quan. Ông này ở trong một ngôi nhà bằng tre uy nghi trang trọng, giữa những chức sắc và binh lính của ông. Chúng tôi ngồi trên chiếc chiếu và sau khi chúng tôi thi lễ chào theo kiểu Hà Lan, bắt đầu trao đổi cuộc diễn từ. Qua lời người phiên dịch, viên quan nói với chúng tôi rằng chúng tôi là những người được hoan nghênh. Ông xin lỗi vì chỗ ở của ông ít được lịch sự và mời chúng tôi xuống ngủ đêm dưới đoàn chiến thuyền.

Chúng tôi đáp: “Qua những người bạn Nhật Bản của chúng tôi (18), chúng tôi đã biết đến ân đức và lòng tốt của một đức vua vui lòng cho phép mọi người ngoại quốc đến xứ sở của ngài buôn bán, và hơn nữa, người đã che chở, bảo hộ họ. Quan thống lĩnh chỉ huy công việc buôn bán trong đế quốc Nhật Bản, nhân danh ông hoàng nước Hà Lan và Tổng công ty Đông ấn, vì thế đã quyết định cử con tàu của chúng tôi đến Đàng Ngoài để đưa những hàng hóa của chúng tôi đến phục vụ Đức Hoàng thượng (Đàng Ngoài). Do vậy chúng tôi là những người đại diện, chứ không phải chỉ là những tư thương như những người Nhật Bản hoặc những người Bồ Đào Nha. Các vương công và những ngài chủ nhân của chúng tôi đã có nhiều thương điểm đặt tại các xứ sở Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Hoa, Cao Miên, Xiêm La..., nơi những người phục vụ của các ngài đã buôn bán và sinh sống trong tình hữu nghị với những nhà vua của tất cả các đất nước đó. Vì vậy, chúng tôi kính xin Quý đức ông (viên quan) vui lòng cử cho một người đại diện càng sớm càng tốt về kinh đô kính tâu lên hoàng thượng về việc chúng tôi đến. Khi được phép, đoàn thuyền của chúng tôi chở hàng hóa và những tặng phẩm của Công ty dâng lên hoàng thượng lúc đó có thể ngược dòng sông. Chúng tôi cũng thông báo với viên quan rằng ngài thống lĩnh của chúng tôi ở Nhật Bản ra lệnh cho chúng tôi là phải đi cùng với con tàu vào dòng sông, nhưng vì tàu thuyền của chúng tôi chìm khá sâu trong nước và ngay từ khi mới đến chúng tôi đã biết lòng sông không đủ sâu, cho nên chúng tôi bắt buộc phải ở lại vũng đồ không tốt, bên hòn đảo Frakaki. Chúng tôi nói thêm rằng từ khi chúng tôi khởi hành ở Nhật Bản đã gặp phải bão tố liên miên và bị mất ba neo tàu và nhiều dây kéo dây chằng, vì thế không được chuẩn bị tốt để chịu đựng những cơn gió mạnh. Công ty

của chúng tôi có nguy cơ bị tổn thất lớn, và chúng tôi sẽ không phục vụ được hoàng thượng một cách chu đáo chừng nào chúng tôi chưa có một chỗ neo đậu thích hợp, vì thế chúng tôi cầu người vui lòng chỉ gấp cho chúng tôi một vũng đậu tàu chắc chắn”.

Viên quan trả lời: “Việc chúng tôi đến chắc chắn sẽ làm hoàng thượng hài lòng. Và ông đã cử người khẩn báo đến hoàng thượng để Người biết được việc chúng tôi đến. Ngày mai ông ta sẽ lại cử một đại biểu thứ hai báo tin rằng chúng tôi sẽ đợi các quan cai bạ tàu và các thuyền chèo trong 6, 7 ngày tới. Ông ta dặn là hãy cho tàu vào trong sông và ông ta bảo đảm rằng mực nước sông đủ sâu. Chúng tôi phản bác lại rằng những cuộc thăm dò đã chứng minh cho chúng tôi điều ngược lại, và rằng, mặc dù chúng tôi không hài lòng nhưng chúng tôi không thể đến được”. Hơn nữa, để thuyết phục ông ta thêm, chúng tôi yêu cầu có một hoa tiêu người Đàng Ngoài để cùng với hoa tiêu của chính chúng tôi thám sát lại lòng sông.

Viên quan đáp: “Chúng tôi có thể tìm một vũng đồ tàu khác bên đảo Đức vua (Konings eiland) (19), trong trường hợp nếu quả thực là chúng thấy lòng sông quá nông đối với con tàu của chúng tôi”. Cuối cùng ông đãi tiệc chúng tôi theo phong tục Đàng Ngoài và sau bữa ăn chiều, ông mời trầu (pinang) chúng tôi. Ông mời chúng tôi nghỉ lại nhà của ông chỉ một đêm hôm ấy, chúng tôi đã kính cẩn nhận lời. Ông ta chào từ biệt chúng tôi một cách rất khả ái và quay lại chỗ những thuyền chèo để lấy những vật được tặng mà ông đã để ở đấy, có một viên sĩ quan và một vị quý quan canh giữ. Những tặng phẩm bao gồm:

- 3,5 aune [1 aune = 1,188m] dạ đỏ
- hai tấm Sarasse (vải hoa màu xứ Coromandel - Ấn Độ)

- hai tấm Salemporis (vải vùng Calcutta - Ấn Độ)

- hai cái gương soi

Sau đó ít lâu, một vài viên sĩ quan trở lại chỗ chúng tôi và thừa lệnh ông quan, nói với chúng tôi rằng món quà tặng là ít ỏi và vị quan muốn trả lại nó vào sáng ngày mai. Chúng tôi nói rằng xin quan vui lòng nhận cho như một dấu hiệu kính trọng về phần thuyền trưởng của con tàu chúng tôi, chứ không phải là về phía công ty. Chúng tôi thêm rằng sau đây chúng tôi muốn được biếu ông ta một món quà tặng nhân danh công ty, khi những quan cai tàu (kapados) đến và con tàu được bảo đảm an ninh. Chúng tôi cầu mong được ông ta bảo hộ để những người của chúng tôi không phải chịu tổn thất khi họ gửi hàng hóa ngược lên thượng nguồn của dòng sông. Lúc đó ông ta tỏ ra hài lòng và không nói chuyện về những món quà tặng của chúng tôi nữa.

- 5 tháng Tư. Các ông Hartsinck và Vincent Romeyn đáp xuống các thuyền chèo theo yêu cầu của viên quan. Họ hứa sẽ có những món quà tặng quan trọng hơn ngay khi con tàu đi vào trong sông. Viên quan hỏi chúng tôi rằng liệu có tình cờ mang theo mã não, san hô đỏ hoặc vàng ròng hay không. Chúng tôi trả lời là có, và hỏi ông ta rằng người ta có thể bán những món hàng đó ở Đàng Ngoài với giá bao nhiêu. Ông ta trả lời rằng chỉ có nhà vua và những nhà quyền quý ở trong nước mới mua những món đồ đó. Ông ta nói người ta đồn rằng trên mặt biển chúng tôi xua đuổi người Bồ Đào Nha và người Trung Quốc. Chúng tôi trả lời rằng những người Bồ Đào Nha (20) là kẻ địch của chúng tôi và đã không từ một cơ hội nào để vu khống chúng tôi đối với các quốc gia khác, luôn luôn bôi

nhọ xuyên tạc chúng tôi. Còn thực ra là trước kia chúng tôi có chiến tranh với những người Trung Quốc, sau nhiều hành động phản bội khác nhau mà trong đó chúng tôi là những nạn nhân, nhưng hiện nay cuộc chiến đó đã chấm dứt và chúng tôi không còn làm điều gì tổn hại đến những người Trung Quốc. Nhìn chung, người Hà Lan chỉ muốn yên ổn làm ăn buôn bán, sống thuận hòa với các nước bên ngoài, và trong mọi trường hợp họ phải dùng đến vũ khí thì sự gây chiến không phải là đến từ phía họ. Chúng tôi đối xử với nhau như bạn bè và trở về làng Giang, nơi chúng tôi đến vào lúc 6 giờ chiều. Dòng nước đã ngăn cản chúng tôi xuống xa hơn, và chúng tôi đêm đó buộc phải nghỉ lại ở nhà người phiên dịch (Nhật Bản) Guando.

- 6 tháng Tư. Các ông Hartsinck và Vincent Romeyn trở về tàu Grol. Chúng tôi nhận được một lời phúc đáp có lợi của viên quan. Chúng tôi được biết rằng những người Bồ Đào Nha năm nay đã đến Đàng Ngoài với 2 thuyền mảnh và một tàu buôn hiệu Hà Lan (galiothe). Một thuyền mảnh lớn chở các giáo sĩ - paters jonk - đã sẵn sàng chờ thuận gió giăng buồm đi Ma Cao. Lộ trình thông thường của những người Bồ Đào Nha là đi giữa bờ biển Trung Hoa và đảo Hải Nam (Ainam), từ đó họ tới các đảo Tontio rồi lại từ đó đi Ma Cao.

- 7 tháng Tư. Chúng tôi mang đá lên tàu để giữ cho tàu thăng bằng.

- 8 tháng Tư. Viên thuyền trưởng người Đàng Ngoài và 3 người Đàng Ngoài khác đến tàu để giúp chúng tôi trong hành trình đi tới những đảo Đức Vua (Konings Eilanden).

- 9 tháng Tư. Chúng tôi giương buồm, buông neo rồi lại nhổ neo. Vì thời tiết xấu

chúng tôi buộc trở về chỗ thả neo bên đảo Frakaki.

- 10 tháng Tư. Chúng tôi không làm gì cả.

- 11 tháng Tư. Chúng tôi lên đường và cắm neo ở bờ biển phía Tây Nam hòn đảo Sahou, sâu 10 sải nước,

- 12 - 14 tháng Tư. Ngày 12 tháng Tư chúng tôi giong buồm và đến ngày 14 thì tới vũng đổ ở bờ biển phía Tây của hòn đảo lớn gọi là đảo Hải tặc (Roovers Eiland). Chúng tôi qua người phiên dịch Nhật Bản được biết rằng những đại biểu của nhà vua đã tới, nhưng vì không thấy người Hà Lan nên họ đã đi tới làng Giang để chỉ huy những thuyền cần thiết cho việc bốc dỡ hàng hóa. Anh ta cho rằng những viên chức đó có lẽ sẽ trở lại trong hay ba ngày tới.

Chúng tôi tặng cho chúa đảo Hải tặc:

1. Hai cái Jackan lớn (ấm đun nước Nhật Bản)

2. Bốn cái Jackan nhỏ

3. Một bình pha chè kim loại

4. Sáu cái quạt

- 15 tháng Tư. Chúng tôi chẳng có việc gì làm.

- 17 tháng Tư. Chúng tôi giấu cất đi 18 hòm bạc để khỏi bị tìm thấy khi khám xét tàu.

- Đoàn đại biểu đã đến với khoảng 16, 17 chiếc thuyền chèo, có nhiệm vụ chuyên chở theo những hàng hóa tới kinh thành Kẻ Chợ. Họ thả neo ở gần con tàu và mang theo trên thuyền một người Nhật Bản thông thạo tiếng Đàng Ngoài và tiếng Bồ Đào Nha (21).

Các ông Hartsinck và Vincent Romeyn xuống các thuyền cùng với hai viên thông

ngôn Guando và Strick. Họ được tiếp đãi ân cần và biết rằng việc chúng tôi đến đã làm nhà vua rất hài lòng, và người ta đã chờ đợi những người Hà Lan từ năm ngoái, vì người Bồ Đào Nha đã loan báo về dự định của chúng tôi. Họ luôn nhắc lại những lời vu khống quen thuộc, xúi bẩy nhà vua chống lại chúng tôi. Thậm chí họ còn cảnh báo rằng có thể chúng tôi có ý định ám hại nhà vua, rằng chúng tôi sẽ đến yết kiến ngài có mang gươm giáo và súng ống, rằng chúng tôi đi từ Quinam đến đây. Tuy nhiên tất cả những lời nói nhảm nhí đó đã không tác động được tới nhà vua như họ mong muốn.

- 18 tháng Tư. Đoàn đại biểu của nhà vua ra mắt ở một nơi trên bộ gần chỗ tàu chúng tôi đậu. Họ yêu cầu viên thuyền trưởng của chúng tôi hãy đến nghe tuyên đọc lá thư của nhà vua. Các ông Hartsinck và Vincent Romeyn bèn rời tàu đến địa điểm trên đất liền, nơi người ta sẽ đọc và giải thích lá thư. Lá thư được hiểu ý như sau:

Thư của nhà vua Đàng Ngoài

Nhà vua lấy làm hài lòng về việc những người Hà Lan đến. Những đại biểu đã được cử để dẫn những người Hà Lan và hàng hóa về tới triều đình. Lần này, người ta không khám xét con tàu như thường lệ, nhưng nhà vua muốn rằng họ phải trao cho một bản danh mục chính xác về tất cả mọi vật phẩm chứa trên tàu, không được giấu giếm bất cứ thứ gì.

Sau đó các đại biểu đã lên tàu, kèm theo một số đông binh sĩ, điều mà chúng tôi cho là do những thông tin dối trá của người Bồ Đào Nha. Trong cuộc nói chuyện, chúng tôi đã phát hiện ra nguyên do của sự nghi kỵ cảnh giác của họ, và để tự bảo vệ, chúng tôi đã đưa ra lời giải thích thường tình. Chúng

tôi đã kể tới Nhật Bản, nơi mà chúng tôi đã có những mối quan hệ tốt đẹp nhất với chính quyền (22), mà người Bồ Đào Nha thì không làm được như vậy, họ đã bị khoanh vào một hòn đảo rất nhỏ. Chúng tôi nói về việc buôn bán sau này với Đàng Ngoài, với những chiếc tàu lớn. Chúng tôi từ biệt nhau như bạn bè. Nhưng hàng hóa được bốc dỡ khỏi con tàu.

- 19 tháng Tư. Vào lúc 9 giờ sáng, chúng tôi giong buồm với 10 chiếc thuyền chèo đầy hàng hóa của Công ty và của các đại biểu. Tối lúc mặt trời lặn, chúng tôi tới sông Coua lacq (23) là nơi chúng tôi đang định đến.

- 20 tháng Tư. Tám chiếc thuyền đã tới làng Jansy. Các bến bãi chung quanh trông cây tốt tươi, phong cảnh ngoạn mục.

- 21 tháng Tư. Lúc một giờ chiều, chúng tôi gặp chiếc thuyền mảnh chở các cha cố (paters jonk) của người Bồ Đào Nha và một thuyền mảnh hiệu Hà Lan (galiothe), có một thuyền chiến dùng mái chèo của nhà vua đi kèm. Chúng tôi được biết rằng chiếc thuyền

đó chở 620 tạ tơ sống. Chiếc thuyền mảnh đã đến từ tháng 11, còn chiếc thuyền buồm galiothe đến vào tháng 12 năm ngoái. Chúng tôi tiếc rằng con tàu Waterlooge Werve của chúng tôi không thể tới được vì theo hoạch định, hãn con tàu còn đang vượt trùng dương.

- 22 tháng Tư. Vào buổi chiều, chúng tôi đến Kê Chợ, và hứa hẹn với viên quan và viên cai bạ tàu những điều tốt đẹp, nếu như họ bảo đảm cho chúng tôi được buôn bán thuận lợi trong xứ. Họ xin chúng tôi nhượng cho họ 2 hòm bạc để trao đổi bằng việc họ sẽ cung cấp tơ cho chúng tôi, nói rằng đó là tục lệ của những thương nhân Nhật Bản cũng như thương nhân các nước khác. Mặc dù chúng tôi chẳng lấy gì làm thích thú lắm khi nhượng cho họ số bạc, tuy nhiên người ta đã quyết định làm điều đó, sau nhiều cuộc thương thảo. Theo ý kiến của người phiên dịch, chúng tôi sẽ đưa cho họ 2 hòm bạc, với điều kiện là phải cung cấp cho chúng tôi một trọng lượng tơ loại một gấp 17 lần hơn trọng lượng bạc (17 fackaer) (24).

(Còn nữa)

CHÚ THÍCH

Cám ơn TS. Hoàng Anh Tuấn, Trường ĐHKHXH&NV đã gợi ý giúp trong việc dịch một số từ chuyên môn.

(1). Dịch theo bản dịch tiếng Pháp của Geerts: Voyage du yacht hollandais "Grol" du Japon au Tonkin (31 Janvier 1637, 8 Aout 1637) đăng trong Revue Indochinoise, t.V.n° 55&56 (1907). Từ chú thích (2) trở đi là chú thích của Geerts, trừ những chỗ ghi thêm [...] là của người dịch.

(2). Trong tiếng Hà Lan cổ từ "yacht" chỉ một tàu biển, ngày nay từ nay có nghĩa là một "du thuyền".

(3). Thương điểm đầu tiên của người Hà Lan tại Nhật Bản đã do Jacques Spex lập ra năm 1609 ở mũi Đông Bắc hòn đảo Hirado [còn gọi là Firado], nằm ở 33°22' vĩ Bắc và 129°35' kinh Đông. Năm 1641 (ngày 21-5), thương điểm này được dời chuyển đến Nagasaki, trên hòn đảo nhỏ Deshima.

(4). Santwoort đã ở Nhật Bản 37 năm, cho đến khi con tàu Grol rời đi Đàng Ngoài.

(5). Karel Hartsinck đã thành lập ở Đàng Ngoài năm 1638 thương điểm Phố Hiến (Hưng Yên), có thời kỳ nơi này đã có tới 3000 nóc nhà, do

các người Hà Lan, Anh, Bồ Đào Nha và Pháp. Người ta có tên của những viên giám đốc thương điểm này cho đến năm 1700, lúc thương điểm bị Jacob van Loo từ bỏ, sau nhiều vụ việc khó khăn với các quan lại xứ Đàng Ngoài. Theo ông Lesonfaché, một trong những viên sĩ quan đã nghiên cứu kỹ về Đàng Ngoài, thì phần của người Hà Lan ở trên điểm của Sở tuần ty Phủ Lý, khu đất của họ ở cách xa một chút chân tảng núi đá với có thành thẳng đứng [nhận định này không phù hợp với những nghiên cứu của G.Dumoutier sau này] những lái buôn đi lại với các miền xa trong xứ, như đã còn để lại những tên khắc trên những tảng đá ở nhiều nơi trên thượng lưu sông Hồng và nhất là ở 2 bên bờ sông Đáy, nơi còn một tảng đá khắc chữ Baron 1680 và Vischer 1678.

(6). Thời kỳ này người Hà Lan đã có một thương điểm trên bờ biển phía tây đảo Formose. Thương điểm này có tên là Tayouwan hoặc pháo đài Zelandia.

(7). Dưới đây người ta sẽ thấy rằng người Hà Lan gọi thành phố Huế là Quinam [thực ra Quinam là Quảng Nam, tức Hội An].

(8). Turon hay Tourane chắc chắn phải là Tourane (Cửa Hàn = Đà Nẵng). Người ta biết rằng Tourane là vùng đẹp nhất nằm giữa bờ biển phía đông của bán đảo Đông Dương, cách Huế 15 dặm về phía Đông Nam. Địa điểm này tháng 8-1858 đã bị một đội quân Pháp - Tây Ban Nha đổ bộ lên đánh chiếm, theo mệnh lệnh của đô đốc Rigault de Genouilly.

(9). Tên gọi Quinam nhất thiết phải nói về một địa điểm trong vùng vịnh Tourane hay ở lân cận với vùng này mà không phải là Quy Nhơn, nơi này cách 70 dặm về phía Nam (Quy Nhơn đã bị nước Pháp chiếm từ hòa ước 1874. Và lại kinh đô của Annam lúc đó cũng như bây giờ là Huế, chỉ cách một vài dặm về phía Đông Bắc Tourane. Do đó, tên gọi nhà vua xứ Quinam, tương đương với nhà vua xứ Huế, nghĩa là nhà vua Annam.

[Quinam ở đây không phải là Qui Nhơn, cũng không phải là Huế, mà là Quảng Nam, ở đây chính là Hội An nghĩa rộng là xứ Đàng Trong].

(10). Thực vậy, những nhà vua Annam và Tongquin đang có chiến tranh vào thời kỳ này, Điều đó là một bằng cứ khắc chứng tỏ rằng cụm từ "nhà vua xứ Quinam" trong cuốn nhật ký hành trình là muốn nói tới nhà vua Annam.

(11). Hòn đảo này chắc hẳn phải là đảo Boissieux ở vào khoảng 17°49' vĩ Bắc, đúng là nằm ở quãng giữa hai mũi đất của mũi Bon hay Vọng ki hảo kéo dài ra. Người ta biết rằng mũi đất này là điểm chốt của biên giới giữa Đàng Trong và Đàng Ngoài, gần đó là con đường lớn của đế quốc Annam đi qua những nơi cực kỳ nóng bỏng được các pháo đài nhỏ bảo vệ. (Xem trong *Revue de Géographie* số tháng 10-11/1880 bài báo của TS. Maget nhan đề: "Nghiên cứu tổng quát về xứ Đàng Ngoài".

(12). Chắc chắn đây là một trong những nơi bỏ neo ở bờ biển phía tây hòn đảo lớn Các-bá, hòn đảo trên lối vào Cửa Cấm, cửa biển để vào nhất của sông Hồng, ngày nay vẫn còn. Hòn đảo hoặc những hòn đảo Sahou mà người ta nói đến trong nhật ký rõ ràng là những đảo Norway ngày nay.

(13). Tên gọi Giang ở đây có nghĩa là sông. Cửa phía Bắc của sông Hồng nói đến ở đây hiện nay có tên là Cửa Cấm.

[Giới sử học Việt Nam ngày nay cho rằng của sông này là cửa Thái Bình]

(14). Điều đó chứng tỏ rằng cho đến lúc đó người Nhật Bản vẫn tự do buôn bán với Đàng Ngoài, cũng như những chứng cứ của những đoạn trích dẫn từ những cuốn sách của Nhật Bản nói về vấn đề này mà chúng tôi sẽ cung cấp ở bên dưới Sắc lệnh nghiêm khắc của chính quyền Mạc phủ năm 1633, cấm những người Nhật với tội danh tử hình, không được đi ra nước ngoài đã chấm dứt những quan hệ buôn bán của đông đảo người Nhật với các xứ Đông Dương.

(15). Chắc chắn đây là những tảng đá ngầm Ché-li-pai, trên bản đồ ở phía Đông Nam của đảo Các bà (Frakaki theo những người Hà Lan).

(16). Từ này có nguồn gốc tiếng Bồ Đào Nha, có thể tương đương với viên chức hải quan.

(17). Catchion hẳn có nghĩa là Ketcho. Lúc đó Ketcho nằm ở gần Hà Nội, thủ đô hiện nay, một địa điểm gần chỗ gọi là Hàng Giầy. [Thực ra, Kẻ Chợ chính là toàn bộ khu chợ phố buôn bán, nói rộng ra là toàn bộ kinh thành Thăng Long lúc bấy giờ].

(18). Tình cảm bạn bè giữa những người Nhật Bản và những người Hà Lan đã có từ lâu đời khi hai quốc gia này có những mối quan hệ đã được nói đến trong nhiều chỗ của cuốn nhật ký này.

(19). Chúng tôi không biết ở đây muốn nói đến hòn đảo nào của quần đảo Kouan Yen (Quảng Yên). Có thể đó là tên của một trong những đảo Goto (đảo Hải tặc) = [đảo Cô Tô?].

(20). Chúng tôi không cần phải nói rằng chúng tôi trong khi dịch đoạn nhật ký cổ xưa này, đã không hề muốn làm thay đổi những quan hệ hữu nghị hiện nay đang tồn tại giữa những người Bồ Đào Nha và Hà Lan.

(21). Những người Hà Lan đã gặp một phiên dịch viên người Nhật Bản ở lối đi vào cửa sông và trong cuốn nhật ký này người ta sẽ thấy ở Kẻ Chợ hững người Nhật Bản và cả những phụ nữ Nhật Bản làm phiên dịch cho người Hà Lan. Đến từ thương điểm Hirado, chắc chắn họ nói chuyện giữa họ với nhau bằng tiếng Nhật Bản. Đặc điểm này chứng minh cho chúng ta về tầm quan trọng của

công việc buôn bán của người Nhật ở Đàng Ngoài vào thời kỳ này. Ngài Tiến sĩ Maget đã từng sống ở Đàng Ngoài trong 2 năm, đã nhiều lần nói rằng ông ta đã gặp những người dân có kiểu nét Nhật Bản hoàn toàn thuần khiết. Ông ta biết có những làng có những người dân dáng nét hoàn toàn giống người Nhật Bản, chỉ kết hôn giữa họ với nhau. Những làng này có đặc quyền chế tác những đồ gốm sứ men lam không có gì giống hơn những đồ gốm sản xuất tại Nhật Bản trong tỉnh Kizen (Kiusiu). Có những thầy tu Gia-tô người bản xứ có nguồn gốc Nhật Bản. Ông Maget đã gặp một toán những vũ nữ trẻ đi kèm theo một dàn nhạc mà những nhạc công hoàn toàn có kiểu nét người Nhật Bản ở dạng thuần khiết.

(22). Vào năm 1637, những người Hà Lan ở Nhật Bản vẫn còn hoàn toàn tự do, Những người đi trên chiếc tàu Grol không nghĩ rằng chỉ vài năm sau đó (1641), người Nhật cũng áp đặt những điều hạn chế tương tự cả đối với người Hà Lan.

(23). Cua lac còn là tên đoạn sông ngang nối liền của Thái Bình với sông Hồng đổ ra ở Hưng Yên, đô thị vào quãng sau lúc đó đã thành lập một thương điểm của người Hà Lan. Theo ông TS Maget, đoạn sông ngang này cũng mang tên sông Ngang Thái Bình. Vậy thì năm 1637, có thể lập luận là người Hà Lan đã đi vào một trong những cửa sông phía Bắc, có thể là cửa Cẩm ngày nay [Hiện nay, nhiều ý kiến vẫn cho rằng tàu Grol đi vào Đàng Ngoài theo cửa Thái Bình].

(24). Fackaer hình như có nghĩa là một trọng lượng tương đương. 17 fackaer muốn nói là một trọng lượng tơ gấp 17 lần trọng lượng bạc.